

Bản án số: 1024/2023/HC-PT
Ngày: 30 - 11 - 2023
V/v khiếu kiện quyết định hành chính
về giải quyết khiếu nại

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Công Mười

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Hùng

Ông Cao Văn Tám

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Ưc Minh Thanh Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 486/2023/TLPT-HC ngày 18 tháng 7 năm 2023 về “*Khiếu kiện quyết định hành chính về giải quyết khiếu nại*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 06/2023/HC-ST ngày 30 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

1. **Người khởi kiện:** Bà Kim Thị N, sinh năm 1965; Địa chỉ: ấp S, xã L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng; (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện:

- Luật sư Võ Hoàng A, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh S (có mặt)

- Luật sư Võ Tuấn H, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh S (có mặt)

- Luật sư Trương Hoài P, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H (có mặt)

2. **Người bị kiện:**

2.1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh S; Địa chỉ: Số A, đường C, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh S: Ông Vương Quốc N1 – Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh S (theo Giấy ủy quyền ngày 15/11/2023); (có văn bản xin vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh S: Ông Châu Văn V – Chức vụ: Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh S (có văn bản xin vắng mặt)

2.2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L; Địa chỉ: Ấp D, thị trấn L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L: Ông Huỳnh Quốc L – Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L (theo Giấy ủy quyền ngày 13/07/2022); (có văn bản xin vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L: Ông Huỳnh Tấn T – Chức vụ: Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện L; (có mặt)

3. Do kháng cáo của người khởi kiện bà Kim Thị N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 25/04/2022 và ngày 25/05/2022 (BL 01,07), trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người khởi kiện Kim Thị N trình bày:*

Vào năm 1943 ông Lâm K (ông ngoại của bà Kim Thị N) có canh tác sử dụng phần đất diện tích $50^{ha} 08^a 54^{ca} = 50.854m^2$ (theo Tờ Trích lục địa bộ ngày 13/05/1943 – BL 23->26), tọa lạc tại làng T, ấp T, Sóc Trăng (nay là ấp D, thị trấn L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng). Ông Lâm K chỉ có một người con là bà Lâm Thị S, sau khi ông K chết, bà Lâm Thị S thừa hưởng cùng chồng là ông Kim Sam K1 (Kim Sam C) canh tác sử dụng toàn bộ phần diện tích đất trên cho đến sau giải phóng năm 1975 (có nộp thuế đất nông nghiệp hàng năm).

Đến năm 1978, diện tích $50.854m^2$ đưa vào Tập đoàn sản xuất và Nhà nước trang trải cho 09 hộ B canh tác, vì gia đình bà S, ông K1 ở ấp S, xã L nên bị cắt xâm canh, một phần diện tích Nhà nước giữ lại làm Trạm bơm phục vụ tưới tiêu. Khi được trang trải các hộ đã san lấp và làm lại bờ ranh không còn như lúc đầu, đến năm 1979 ông K1 chết, năm 1985 bà S chết.

Đến năm 1995, có chủ trương trả hoa lợi thì bà Kim Thị N là con của ông K1, bà S đại diện gia đình nhận hoa lợi của 09 hộ B với diện tích tổng cộng $47.952m^2$ (theo biên bản trả hoa lợi đất ruộng ngày 25/11/1995 – BL 22), còn phần đất Trạm bơm diện tích $2.925m^2$ bà N chưa nhận hoa lợi (theo sổ đo ngày 05/02/2021 diện tích $2.543,5m^2$ – BL 31). Lúc này bà N có liên hệ với ông Phan Văn C1 là Chủ tịch UBND thị trấn L xin nhận thêm hoa lợi phần diện tích đất Trạm bơm thì ông C1 trả lời “Khi nào trạm bơm ngưng hoạt động thì đất của chị sẽ trả lại cho chị” nghe vậy nên bà N vẫn yên tâm cải tạo đất để canh tác.

Phần đất $2.925m^2$ vào năm 1993 Nhà nước chỉ xây dựng Trạm bơm tổng diện tích chiếm khoảng $1.000m^2$, phần đất còn lại không thấy ai sử dụng nên gia đình bà N đã quản lý canh tác phần đất trống này. Trạm bơm hoạt động đến năm 2000 thì ngưng không còn hoạt động, máy móc thiết bị đã tháo dỡ hết thì gia đình

bà tiếp tục ban bờ san lấp để canh tác thêm diện tích này, việc bà N canh tác chính quyền địa phương đều biết nhưng không ai có ý kiến, phản đối gì.

Đến năm 2005, thấy gia đình bà canh tác đất Trạm bơm thì ông Lâm Hoàng M làm đơn xin hợp thức hoá phần đất bà đang canh tác và ông M cho rằng là đất gốc của gia đình ông. Từ đó UBND thị trấn mới mời bà N lên yêu cầu giao trả lại đất, bà không đồng ý vì đất này là của ông ngoại Lâm Keo chết để lại cho gia đình bà thừa hưởng nên bà không đồng ý giao và yêu cầu Nhà N2 cho bà xin lại phần đất nêu trên.

Hơn nữa, từ khi Trạm bơm không còn hoạt động năm 2000 đến nay UBND huyện L cũng không có nhu cầu sử dụng công ích đối với phần đất này nên vào năm 2007 đã ra thông báo bán đấu giá phần đất Trạm bơm này (BL 21).

Từ các lý do nêu trên, bà N đã nhiều lần làm đơn khiếu nại xin lại đất gốc của gia đình nhưng chính quyền địa phương các cấp không giải quyết, với kết luận cho rằng: *“... Bà N không chứng minh được vị trí đất và giấy tờ đất ông Lâm K để lại là đất tại Trạm bơm; diện tích đất thực tế xin lại thừa so với Tờ Trích lục địa bộ ngày 13/05/1943... Phần đất Trạm bơm không phải là đất gốc của gia đình bà N mà là đất gốc của gia đình ông Lâm Hoàng M ...”*

Từ đó Ủy ban nhân dân huyện L ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu bác đơn khiếu nại của bà N. Bà N tiếp tục khiếu nại lên UBND tỉnh S lần hai nhưng vẫn không được xem xét giải quyết. Bà N thấy rằng việc UBND huyện L; UBND tỉnh S nêu lý do để bác đơn khiếu nại là chưa đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của bà.

Nay bà Kim Thị N yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Huỷ bỏ toàn bộ Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 316/QĐ-UBND ngày 26 tháng 02 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

- Huỷ bỏ toàn bộ Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 1860/QĐ-UBND ngày 22 tháng 07 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh S.

** Tại Văn bản số 1465/UBND-NC ngày 11/07/2022 (BL 62), người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh S có ý kiến như sau:*

Bà Kim Thị N khiếu nại xin lại diện tích đất 2.992m² (đất Trạm bơm) với lý do phần đất trên của ông Kim Sam K1 (cha bà) đưa vào Tập đoàn năm 1978, đất tọa lạc tại ấp D, thị trấn L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

Phần diện tích đất 2.992m² bà Kim Thị N xin lại có nguồn gốc của ông Lâm H1 (cha ruột ông Lâm Hoàng M) ngụ cùng ấp. Trước năm 1975, ông Lâm H1 sử dụng diện tích đất khoảng 15.000m² (trong đó làm ruộng khoảng 11 công, làm vườn 4 công). Năm 1968, ông Lâm H2 chết, ông M tiếp tục quản lý, sử dụng. Đến năm 1978, thì 11 công đất ruộng đưa vào Tập đoàn sản xuất, riêng 04 công đất vườn thì ông M tiếp tục sản xuất và sau đó chuyển nhượng cho ông Dương Thanh T1, ông Lý L1 và ông Trần S1.

Sau khi có chủ trương trả lại đất gốc, ông Lâm Hoàng M đã nhận hoa lợi của các hộ gồm Lâm S2, Ngô Sui H3, Phạm Vũ L2 và Lâm Chuộng với tổng diện tích khoảng 7.100m, phần còn lại là đất kênh thủy lợi và đất trạm bơm.

Năm 2000, Trạm bơm không còn hoạt động, ông Lâm Hoàng M có đơn gửi đến UBND thị trấn L xin lại phần đất này nhưng địa phương cho rằng đất công không giải quyết.

Năm 2005, bà Kim Thị N tự vào chiếm phần đất Trạm bơm để làm ruộng. Ngày 23/6/2005, Ủy ban nhân dân thị trấn L lập biên bản về việc bà N chiếm đất công do Nhà nước quản lý, đề nghị bà Kim Thị N trả lại đất.

Ngày 03/4/2007, Ủy ban nhân dân thị trấn L có Công văn số 05/CV-UBND trả lời khiếu nại của bà Kim Thị N với nội dung: Trong phần diện tích kê khai nhận hoa lợi ban đầu của bà Kim Thị N có 09 hộ B với diện tích là 47.952m² không có khu đất Trạm bơm.

Ngày 02/01/2008, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L ban hành Quyết định số 03/QĐKN-CTUBND bác đơn khiếu nại của bà Kim Thị N xin lại phần đất Trạm bơm. Bà N không đồng ý và khiếu nại đến Ủy ban nhân dân tỉnh S.

Ngày 07/10/2008, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh S có Công văn số 203/CTUBND-KN đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L chỉ đạo kiểm tra làm rõ nguồn gốc đất Trạm bơm trước đây là của ông Lâm Hoàng M hay của ông Kim Sam K1; bà Kim Thị N có phải là người đại diện hợp pháp để khiếu nại xin lại phần đất của ông Kim Sam K1. Nếu Quyết định số 03/QĐKN-CTUBND ngày 02/01/2008 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L, về giải quyết khiếu nại của bà Kim Thị N có sai sót, chưa đúng trình tự, thủ tục, thì thu hồi để giải quyết lại vụ việc theo đúng quy định của pháp luật.

Ngày 14/8/2009, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L ban hành Quyết định số 418/QĐ-CTUBND thu hồi Quyết định số 03/QĐKN-CTUBND ngày 02/01/2008 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L với lý do bà Kim Thị N chưa phải là người đại diện hợp pháp để khiếu nại nên việc ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại đối với bà N là chưa đúng với quy định.

Ngày 18/02/2019, Ủy ban nhân dân tỉnh B Quyết định số 394/QĐ-UBND về việc phê duyệt Phương án sắp xếp lại, xử lý nhà đất, trên địa bàn huyện L theo Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ, phần đất Trạm bơm có diện tích là 3.145,2m² “trong đó, bà Kim Thị N đang chiếm sử dụng 2.210,7m² sẽ thu hồi vào quỹ đất công ích của thị trấn; thống kê nhằm 934,5m² của bà Lê Thị V1 (bà V1 đã được cấp Giấy chứng nhận năm 1997)”.

Ngày 29/12/2020, bà Kim Thị N có đơn khiếu nại đến Ủy ban nhân dân huyện L cho rằng phần đất Trạm bơm chưa nhận hoa lợi nên yêu cầu xin lại phần đất này.

Ngày 26/02/2021, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L ban hành Quyết định số 316/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại của bà Kim Thị N (lần đầu) với nội dung: Bác đơn khiếu nại của bà Kim Thị N xin lại đất Trạm bơm (diện tích theo đo đạc

thực tế là 3.057,7m), tọa lạc ấp D, thị trấn L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. Buộc bà Kim Thị N giao trả phần diện tích đất 3.057,7m² mà bà chiếm dụng để Ủy ban nhân dân thị trấn L quản lý theo quy định. Bà N không đồng ý nên có đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh S.

Ngày 19/3/2021, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh S ban hành Quyết định số 606/QĐ-UBND giao Thanh tra tỉnh xác minh làm rõ nội dung khiếu nại của bà Kim Thị N khiếu nại Quyết định số 316/QĐ-UBND ngày 26/02/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L về việc giải quyết khiếu nại của bà Kim Thị N (lần đầu).

Qua kết quả xác minh như đã nêu trên, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh N thấy việc bà Kim Thị N khiếu nại là không có cơ sở xem xét, giải quyết; nên đã ban hành Quyết định số 1860/QĐ-UBND ngày 22/7/2021 (lần hai) với nội dung: bác đơn khiếu nại của bà Kim Thị N, giao Chủ tịch UBND huyện L điều chỉnh diện tích đất tại Điều 1 Quyết định số 316/QĐ-UBND ngày 26/02/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L cho đúng với diện tích đất thực tế bà N chiếm sử dụng theo kết quả đo đạc ngày 13/5/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L.

Bà Kim Thị N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết hủy 02 Quyết định giải quyết khiếu nại nêu trên là không có cơ sở; người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xem xét, không chấp thuận.

** Tại Văn bản số 741/UBND-VP ngày 12/08/2022 (BL 142), người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L có ý kiến như sau:*

Nội dung giống như nội dung Văn bản số 1465/UBND-NC ngày 11/07/2022 của người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh S có ý kiến nêu trên.

Vì vậy, việc bà Kim Thị N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 316/QĐ-UBND ngày 26/02/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L là không có cơ sở; người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xem xét, không chấp thuận.

** Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 06/2023/HC-ST ngày 30 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, quyết định:*

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 3 và 4 Điều 32, khoản 2 Điều 56, điểm a khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 116, Điều 157, Điều 158, khoản 1 Điều 173, khoản 1 điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194 và khoản 1 Điều 348 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

Áp dụng: khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện bà Kim Thị N về việc yêu cầu hủy Quyết định số 316/QĐ-UBND ngày 26/02/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Sóc Trăng, về việc giải quyết khiếu nại của bà Kim Thị N (lần đầu); hủy Quyết định số 1860/QĐ-UBND ngày 22/07/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh S, về việc giải quyết khiếu nại của bà Kim Thị N (lần hai).

* *Sau khi xét xử sơ thẩm*, ngày 07/6/2023, người khởi kiện bà Kim Thị N có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

* *Tại phiên tòa phúc thẩm:*

- Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện trình bày quan điểm:

Nguồn gốc đất là của gia đình bà N, có giấy tờ của chế độ cũ, sau khi ông K qua đời thì để lại cho cháu là bà N, trong đó có diện tích trạm bơm, địa phương cũng đã hứa sau này sẽ trả cho bà N. Các nhân chứng, Ủy ban nhân dân xác nhận diện tích đất trạm bơm là của gia đình bà N. Đất trạm bơm bà N quản lý, sử dụng từ xưa đến nay đến khi có tranh chấp đất với ông M. Ủy ban nhân dân cho đây là đất công là không có căn cứ, nói chung chung. Tòa án cấp sơ thẩm không tiến hành xác minh, xem xét thẩm định tại chỗ, không thu thập lời khai của những người cán bộ trước đây là thiết sót. Diện tích đất này nói là trạm bơm là không đúng mà thực tế chỉ để 01 máy cày bên trong và có cái kênh. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo, sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán, các đương sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử phúc thẩm đã chấp hành đúng quy định của Luật tố tụng hành chính.

Về nội dung: Bản án sơ thẩm đã xem xét, đánh giá đầy đủ các chứng cứ để bác yêu cầu khởi kiện của bà Kim Thị N là có căn cứ; do đó, đề nghị Hội đồng xét xử bác đơn kháng cáo và giữ y bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Căn cứ các chứng cứ, tài liệu đã thu thập, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Năm 1978, Nhà nước thực hiện chính sách đất đai tại ấp D, thị trấn L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng thành lập Tập đoàn S3; năm 1993, Chính quyền sử dụng đất Tập đoàn diện tích 2.210,7m² xây dựng Trạm bơm để phục vụ tưới tiêu cho sản xuất nông nghiệp. Năm 2000, Trạm bơm không còn hoạt động.

Đồng thời, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng thể hiện vào năm 1978, gia đình người khởi kiện Kim Thị N đưa diện tích 50.854m² đất vào Tập đoàn sản xuất; sau đó Tập đoàn sản xuất Nhà nước trang trải đất của gia đình bà N giao cho

09 hộ cho hộ B canh tác, còn lại Tập đoàn quản lý; gia đình bà N về nhận đất tại ấp S, xã L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng canh tác.

[2] Năm 2005, bà N tự vào chiếm phần đất Trạm bơm để làm ruộng. Ngày 23/06/2005, Ủy ban nhân dân thị trấn L lập biên bản về việc bà N chiếm đất công do Nhà nước quản lý, đề nghị bà Kim Thị N trả lại đất, bà không đồng ý và thực hiện khiếu nại. Đến ngày 03/04/2007, Ủy ban nhân dân thị trấn L có Công văn số 05/CV-UBND trả lời khiếu nại của bà Kim Thị N với nội dung: “*Trong phân diện tích kê khai nhận hoa lợi ban đầu của bà Kim Thị N có 09 hộ B với diện tích là 47.952m² không có khu đất Trạm bơm*” (BL 258). Ngày 02/01/2008, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L ban hành Quyết định số 03/QĐKN-CTUBND về việc giải quyết khiếu nại quyền sử dụng đất của bà Kim Thị N với nội dung: “*Bác đơn khiếu nại của bà Kim Thị N xin lại phần đất Trạm bơm*” (BL 72). Bà N không đồng ý và tiếp tục khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh S.

Ngày 07/10/2008, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh S có Công văn số 203/CTUBND-KN, với nội dung: “*đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L chỉ đạo kiểm tra làm rõ nguồn gốc đất Trạm bơm trước đây là của ông Lâm Hoàng M hay của ông Kim Sam K1; bà Kim Thị N có phải là người đại diện hợp pháp để khiếu nại xin lại phần đất của ông Kim Sam K1. Nếu Quyết định số 03/QĐKN-CTUBND ngày 02/01/2008 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L, về giải quyết khiếu nại của bà Kim Thị N có sai sót, chưa đúng trình tự, thủ tục, thì thu hồi để giải quyết lại vụ việc theo đúng quy định của pháp luật*” (BL 67). Ngày 14/8/2009, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L ban hành Quyết định số 418/QĐ-CTUBND thu hồi Quyết định số 03/QĐKN-CTUBND ngày 02/01/2008 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L, với lý do bà Kim Thị N chưa phải là người đại diện hợp pháp để khiếu nại.

[3] Ngày 29/12/2020, bà Kim Thị N có Đơn xin lại đất ruộng (Trạm bơm cũ) gửi đến Ủy ban nhân dân huyện L cho rằng phần đất Trạm bơm chưa nhận hoa lợi nên yêu cầu xin lại phần đất này (BL 144). Ngày 26/02/2021, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L ban hành Quyết định số 316/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Kim Thị N (lần đầu), với nội dung: “*Bác đơn khiếu nại của bà Kim Thị N xin lại đất Trạm bơm (diện tích theo đo đạc thực tế là 3.057,7m), ... Buộc bà Kim Thị N giao trả phần diện tích đất 3.057,7m² mà bà chiếm dụng để UBND thị trấn L quản lý theo quy định*” (BL 162). Ngày 22/7/2021, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B Quyết định số 1860/QĐ-UBND (lần hai) với nội dung: “*Bác đơn khiếu nại của bà Kim Thị N, giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L điều chỉnh diện tích đất tại Điều 1 Quyết định số 316/QĐ-UBND ngày 26/02/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L cho đúng với diện tích đất thực tế bà N chiếm sử dụng theo kết quả đo đạc ngày 13/5/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L.*”

[4] Xét thấy, năm 1978 gia đình bà N đưa đất vào Tập đoàn sản xuất đến khi bà N có khiếu nại thì không còn giữ hiện trạng như ban đầu, do trong quá trình sử dụng đất người sử dụng đất đã ban bờ, việc khiếu nại bà N chỉ căn cứ vào diện tích đất theo Tờ Trích lục địa bộ ngày 13/05/1943 và diện tích đất nhận hoa lợi

theo Biên bản ngày 25/11/1995 (BL 22) để cho rằng diện tích nhận hoa lợi chưa đủ, do đó diện tích đất Trạm bơm là đất của gia đình bà N. Tuy nhiên, theo Tờ Trích lục địa bộ ngày 13/05/1943 (bản dịch) thể hiện cổ Lâm Keo có đất tại Làng T (nay ấp D, thị trấn L) diện tích 53.290m², đã chuyển nhượng diện tích 2.436m² và đã sang tên ngày 24/11/1932, nên đất của gia đình bà N đưa vào Tập đoàn sản xuất tổng diện tích là 50.854m²; theo khởi kiện và tại phiên tòa bà N cũng thừa nhận đất của gia đình bà N đưa vào Tập đoàn sản xuất tổng diện tích là 50.854m² là đúng.

Theo Sơ đồ vị trí khu đất ngày 13/05/2021 xác định khu đất Trạm bơm diện tích 3.145,2m² (BL 69); trong đó đất Trạm bơm diện tích 2.210,7m², thuộc thửa đất số 12, 13, 14 và 15 (bà N chiếm sử dụng diện tích 2.130,7m²; bà V1 sử dụng diện tích 80m², thuộc thửa đất số 15) và thống kê nhằm diện tích 934,5m², thuộc thửa đất số 15 (bà V1 sử dụng) và đất trạm bơm nằm ngoài đất gia đình bà N là phù hợp với diện tích theo Quyết định số 394/QĐ-UBND ngày 18/02/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh S. Do đó, có căn cứ xác định đất Trạm bơm diện tích 2.210,7m², trong đó bà N chiếm sử dụng diện tích 2.130,7m², bà V1 sử dụng diện tích 80m².

[5] Tại phiên tòa sơ thẩm bà N thừa nhận khi xây dựng Trạm bơm trung dụng đất của Tập đoàn S3 quản lý, không phải của gia đình bà quản lý, lúc bấy giờ gia đình bà biết và không phản đối; Do đó, có căn cứ xác định diện tích đất Trạm bơm có nguồn gốc không phải của gia đình bà N, đất thuộc diện thực hiện chính sách đất đai đưa vào Tập đoàn sản xuất và hiện giao cho Ủy ban nhân dân thị trấn L quản lý, sử dụng; tại thời điểm giao đất để xây dựng Trạm bơm là đất thuộc Tập đoàn S3 quản lý, không phải đất do hộ gia đình, cá nhân bà N quản lý, sử dụng. Mặt khác, theo Sổ Mục kê ruộng đất lập năm 1997, đứng tên người sử dụng đất là Ủy ban nhân dân thị trấn và theo Sổ Mục kê ruộng đất lập năm 2014, đứng tên người sử dụng đất bà Đ, bà B, bà B1 nhưng trên thực tế quản lý, sử dụng là Ủy ban nhân dân thị trấn L.

[6] Xét thấy, với chứng cứ, tài liệu và phân tích trên cho thấy, việc Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Kim Thị N là có căn cứ. Bà N kháng cáo nhưng không xuất trình được chứng cứ nào mới có thể làm thay đổi bản chất vụ án, vì vậy không có cơ sở để chấp nhận.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Về án phí: bà Kim Thị N thuộc trường hợp được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Kim Thị N.

Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 06/2023/HC-ST ngày 30 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 3 và 4 Điều 32, khoản 2 Điều 56, điểm a khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 116, Điều 157, Điều 158, khoản 1 Điều 173, khoản 1 điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194 và khoản 1 Điều 348 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

Áp dụng: khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện Kim Thị N về việc yêu cầu hủy Quyết định số 316/QĐ-UBND ngày 26/02/2021 của Chủ tịch UBND huyện L, tỉnh Sóc Trăng, về việc giải quyết khiếu nại của bà Kim Thị N (lần đầu); hủy Quyết định số 1860/QĐ-UBND ngày 22/07/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh S, về việc giải quyết khiếu nại của bà Kim Thị N (lần hai).

Người khởi kiện bà Kim Thị N được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- Cục THADS tỉnh Sóc Trăng;
- NKK;
- NBK;
- Lưu: HS, VP, 15bTNB.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Công Mười